TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 01 - 2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phan Thúy Nguyên

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Bà Trần Vĩnh Hạnh

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 695/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1986. Có mặt.
Địa chỉ: Số A, đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.
Địa chỉ liên lạc: Số C, ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1974. Có mặt.
Địa chỉ: Số A, đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị T bày: Bà T và ông T1 do mai mối và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng kí kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có một con chung tên Huỳnh Hoàng P (nam), sinh ngày 17/01/2016. Tuy nhiên, thời gian sau này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng không cùng quan điểm với nhau trong cuộc sống vợ chồng và mâu thuẫn bên gia đình chồng, từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, hơn nữa hiện tại bà không còn tình cảm với ông T1, nên bà T yêu cầu được ly hôn. Về con chung: có một con chung tên Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 17/01/2016, khi ly hôn bà T đồng ý trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng

đến trưởng thành, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Huỳnh Thanh T1 trình bày: Về hôn nhân, ông thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và mâu thuẫn nhỏ từ phía chị em gia đình chồng, tuy nhiên hiện nay ông không đồng ý ly hôn bởi vì ông còn thương vợ. Về con chung, giữa ông với bà T có 01 con chung tên Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 17/01/2016. Mặc dù ông không đồng ý ly hôn nhưng nếu Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về ly hôn thì về con chung, ông đồng ý để con tự quyết định là muốn sống với cha hay với mẹ là tuỳ vào nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn yêu cầu khởi kiện. Về hôn nhân, bà T cho rằng giữa bà và ông T1 thật sự không hàn gắn đoàn tụ được do giữa bà và ông T1 hoàn toàn trái ngược nhau về các quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn và áp lực từ phía gia đình bên chồng. Trong thời gian ly thân khoảng hơn 03 tháng thì bà đã xin nghỉ làm việc (công nhân) tại một Công ty gần nhà bên chồng để về sinh sống cùng cha mẹ ruột tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang và đã có công việc, thu nhập ổn định cuộc sống của hai mẹ con bà. Do đó, bà nhất định không hàn gắn hôn nhân với ông T1.

Bị đơn thừa nhận giữa ông với bà T có bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống, giữa bà T với các chị em chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng có thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Về con chung, nếu Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về ly hôn thì về con chung, ông đồng ý để con tự quyết định là muốn sống với cha hay với mẹ là tuỳ vào nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng, con sống với ai thì người đó lo ông không có ý kiến gì về cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không có ý kiến cũng như không có yêu cầu gì.

Ý kiến về nguyện vọng của cháu Huỳnh Hoàng P: Cháu Hoàng P trình bày khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng là được sống trực tiếp cùng mẹ (bà T).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: ông T1 và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà T có đơn khởi kiện. Quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thủy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét quan hệ hôn nhân*: Xét lời trình bày của các đương sự là do giữa hai vợ chồng bất đồng với nhau trong cuộc sống và phát sinh mâu thuẫn với gia đình chồng, bên cạnh đó hiện tại bà T khẳng định không còn tình cảm với ông T1 nên bà T đã về và sống bên gia đình cha mẹ ruột từ hơn 03 tháng, từ đó bà và ông T1 đã ly thân đến nay. Tại phiên toà bà T trình bày bà đã xin nghỉ làm việc (công nhân) tại một Công ty gần nhà bên chồng để về sinh sống cùng cha mẹ ruột tại tỉnh Hậu Giang và đã có công việc, thu nhập ổn định cho hai mẹ con bà. Do đó, bà không muốn hàn gắn hôn nhân với ông T1.

Tại phiên toà bị đơn ông T1 không đồng ý ly hôn, với lý do còn thương vợ, tuy nhiên ông T1 không đưa ra được phương hướng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, song bên cạnh đó nguyên đơn cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn nên việc hàn gắn đoàn tụ giữa ông T1 và bà T không khả thi. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là có thật, từ đó dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Bà T và ông T1 có 01 người con chung tên Huỳnh Hoàng P, sinh ngày 17/01/2016. Tại phiên toà cháu P trình bày nguyện vọng là muốn sống trực tiếp cùng mẹ (bà T), song bà T thống nhất trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, điều này phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Nên việc tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành là hoàn toàn phù hợp. Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên toà bị đơn ông T1 không có ý kiến gì về vấn đề này nên không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (nếu có yêu cầu).

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T1

[2] Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Huỳnh Hoàng P, sinh 17/01/2016 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về cấp dưỡng không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T1, không ai được quyền cản trở khi thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (nếu có yêu cầu).

[4] Về án phí sơ thẩm: 300. 000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai thu số 0001280 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành dân sự quận B, thành phố Cần Thơ, thành án phí phải chịu.

[5] Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thúy Nguyên